TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **98**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 09/5/2023**.**
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Bê - Cán bộ hưu.

Bà Nguyễn Thị Bích - Cán bộ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BG tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 09/5/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BG xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 14/2023/TLST-HNGĐ về việc "Ly hôn, tranh chấp về con chung" .

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/3/2023, thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 180/TB-TA ngày 18/4/2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Giáp Thị Lan A, sinh năm 1997 (Xin vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Thôn Xẻ Cũ, xã Thanh Hải, huyện LN, tỉnh BG.

Hiện đang lao động tại Nhật Bản về nghỉ phép từ ngày 06/12/2022 đến ngày 10/02/2023.

Địa chỉ: Toyomaken Toyama Shi Fuchu Machi Itakura 797 Ban Chi 4.

- Người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng của Tòa án: Bà Nguyễn Thị Hà, sinh năm 1973. Địa chỉ: Bồng 1, xã Thanh Hải, huyện LN, tỉnh BG.

*** Bị đơn**: Anh Bùi Minh C, sinh năm 1993 (Xin vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Thôn Xẻ Cũ, xã Thanh Hải, huyện LN, tỉnh BG.

Hiện nay đi nước ngoài đã về nước nghỉ phép ngày 10/3/2023 đến ngày 25/4/2023.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Bùi Minh P, sinh năm 1968 (Xin vắng mặt)

2. Bà Khuất Thị T, sinh năm 1970 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Xẻ Cũ, xã Thanh Hải, huyện LN, tỉnh BG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là chị Giáp Thị Lan A trình bày:*

Trước khi kết hôn thì chị và anh C được tự do tìm hiểu, tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Hải, huyện LN ngày 20/9/2016. Sau khi kết hôn thì chị về nhà chồng ở Thanh Hải làm dâu ngay. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc.Một thời gian sau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhỏ do bất đồng quan điểm.

Khoảng năm 2018 anh C đi Nhật Bản làm việc, địa chỉ cụ thể ở đâu thì chị không biết. Ban đầu vợ chồng có liên lạc hỏi thăm nhau nhưng sau đó thì ít liên lạc dần, không còn quan tâm nhau nữa nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống, sống xa nhau nên không còn tình cảm.

Năm 2019 thì chị A cũng đi Nhật Bản, mặc dù vợ chồng cùng sống ở Nhật Bản nhưng không liên lạc với nhau, không hỏi thăm nhau. Anh C đã chặn mọi liên hệ với chị từ đó đến nay. Hiện nay anh chị không còn liên lạc gì và ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Cường.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Bùi Nguyệt A, sinh ngày 24/7/2017. Cháu đang ở với bố mẹ chồng chị ở xã Thanh Hải, cháu ở với ông bà từ nhỏ. Hiện nay hai vợ chồng chị vẫn đang đi nước ngoài để phát triển kinh tế nên chị không thể trực tiếp nuôi con chung. Chị đề nghị Tòa án giao cháu A cho anh C và tạm giao cho ông Bùi Minh P và bà Khuất Thị T là ông bà nội đứng ra chăm sóc, nuôi con chung của anh chị khi chị và anh C không có nhà, chị vẫn thường xuyên gửi tiền cho ông bà để bà chăm sóc cháu khi chị không có nhà. Về cấp dưỡng chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh C hiện đang lao động tại Nhật Bản nhưng về phép từ ngày 10/3/2023 có quan điểm trình bày:

Hiện anh đang đi lao động tại Nhật Bản về phép từ ngày 10/3/2023 đến ngày 25/4/2023 thì hết phép. Anh đi Nhật Bản được 05 năm. Về địa chỉ cụ thể thì anh không nhớ rõ nên không cung cấp cho Tòa án được anh vẫn trong hợp đồng lao động và làm việc tại KanagaWa, Nhật Bản. Anh đã được Tòa án thông báo về việc chị A xin ly hôn anh có quan điểm là đồng ý ly hôn do anh chị đã không liện lạc với nhau từ lâu và không còn quan tâm gì đến nhau.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Bùi Nguyệt A, sinh ngày 24/7/2017 hiện cháu đang ở cùng bố mẹ anh do ông bà chăm sóc. Ly hôn anh đề

nghị được nuôi con chung và do bố mẹ anh là đứng ra chăm sóc con chung khi anh và chị A không có nhà, anh vẫn gọi điện và gửi tiền về nuôi con chung, cháu vẫn phát triển bình thường. Ngoài ra chị A hàng tháng chu cấp cho con tùy theo mức học tập, anh không yêu cầu chị A cấp dưỡng cụ thể nhưng tùy vào trách nhiệm của chị A.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có

***** *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Khuất Thị T và ông Bùi Minh P trình bày:*

Ông bà là bố mẹ đẻ của anh Cường. Hiện nay anh C đang đi lao động tại nước ngoài về địa chỉ của anh C ở nước ngoài ông bà không biết nên không cung cấp cho Tòa án được. Về việc chị A xin ly hôn thì là việc riêng của anh chị, ông bà không có ý kiến gì.

Về con chung của anh C và chị A thì có một con chung là cháu Bùi Nguyệt Ánh, sinh ngày 24/7/2017 hiện cháu đang ở cùng ông bà nên ông bà đồng ý đứng ra chăm sóc con chung khi anh C và chị A không có nhà, cháu Ánh hiện phát triển bình thường, khỏe mạnh. Gia đình luôn tạo điều kiện tốt nhất để cháu phát triển.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự xin vắng mặt, không có quan điểm gì khác về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; điểm b khoản 1 Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Giáp Thị Lan A. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Giáp Thị Lan A được ly hôn anh Bùi Minh C.

Về con chung: Giao con chung là cháu Bùi Nguyệt Ánh, sinh ngày 24/7/2017 cho anh C là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục nhưng tạm giao cho ông Bùi Minh P và bà Khuất Thị T là người đứng ra nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyệt Ánh khi anh C đang ở nước ngoài. Về cấp dưỡng không

đặt ra xem xét giải quyết. Tài sản chung, công nợ: không có, nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Giáp Thị Lan A phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Giáp Thị Lan A là người Việt Nam, hiện đang sống và làm việc tại nước ngoài có đơn xin ly hôn và yêu cầu giải quyết nuôi con chung đối với anh Bùi Minh C. Bị đơn anh C là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại thôn Xẻ Cũ, xã Thanh Hải, huyện LN, tỉnh BG hiện đang đi lao động tại nước ngoài. Căn cứ công văn số: 9275/QLXNC-P5 ngày 21/4/2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thì chị A đã nhập cảnh về Việt Nam ngày 06/12/2022, nhập cảnh về Việt Nam gần nhất ngày 27/3/2023; anh C đã xuất nhập cảnh 04 lần, nhập cảnh gần nhất ngày 10/3/2023 không có thông tin địa chỉ nước đến, địa chỉ ở nước ngoài của anh Cường. Từ các nội dung trên, HĐXX xác định: về quan hệ pháp luật đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thẩm quyền: do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh BG, theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh C là hợp pháp có tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn ngày 20/9/2016. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Hiện nay chị A và anh C mỗi người sống một nơi, xa cách về địa lý và không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa, vợ chồng mâu thuẫn cắt đứt liên lạc. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng chị A và anh C đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị A và anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị A xin ly hôn anh C đồng ý. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Giáp Thị Lan A được ly hôn anh Bùi Minh C.

[4]. Về con chung: Chị A và anh C có một con chung là cháu Bùi Nguyệt A,

sinh ngày 24/7/2017 hiện cháu đang ở cùng gia đình anh Cường. Sau khi ly hôn anh C có nguyện vọng được nuôi cháu Ánh và chị A cũng đồng ý để bố mẹ anh C đứng ra chăm sóc con chung của anh chị khi anh C đang ở nước ngoài.

HĐXX thấy: Tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ án anh C không có mặt ở tại địa phương nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình. Con chung đang ở với với gia đình anh C vẫn phát triển bình thường. Bên cạnh đó, bà Thúy, ông Phượng là ông bà nội của cháu Ánh cũng đồng ý đứng ra nhận trách nhiệm để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của chị A và anh C trong thời gian chị A và anh C không có ở nhà. Việc bà T, ông P nhận trách nhiệm quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu nội cũng phù hợp theo quy định của Điều 104 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần được chấp nhận. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của con chung cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cho anh C được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Bùi Nguyệt A, sinh ngày 24/7/2017 nhưng tạm giao cho ông Bùi Minh P và bà Khuất Thị T là người đứng ra nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyệt Ánh khi anh C đang ở nước ngoài.

Về cấp dưỡng nuôi con chung anh C không yêu cầu tòa án giải quyết nhưng ông Cường và bà Thúy cho rằng chị A phải có trách nhiệm hàng tháng đối với con chung tùy theo mức học tập của cháu không có số tiền cụ thể. Cha mẹ có trách nhiệm như nhau trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giao dục con chung do vậy các đương sự có thể tự thỏa thuận với nhau về mức cấp dưỡng, trường hợp có tranh chấp thì có thể giải quyết ở vụ án khác. Chị A không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): chị A trình bày không có nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị A phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; điểm b khoản 1 Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6, Điều 27 Nghị

quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Giáp Thị Lan A được ly hôn anh Bùi Minh C.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Bùi Nguyệt Ánh, sinh ngày 24/7/2017 cho anh Bùi Minh C chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho ông Bùi Minh P và bà Khuất Thị T là ông bà nội cháu Ánh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật khi anh C đang ở nước ngoài. Về cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Giáp Thị Lan A phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000831 ngày 16/01/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh BG.

4. Về quyền kháng cáo:

- Anh Bùi Minh C, chị Giáp Thị Lan A hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Ông Bùi Minh P, bà Khuất Thị T cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh BG;
- Cục THADS tỉnh BG
- UBND xã Thanh Hải, huyện LN
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hoàng Thị Hải Hường